TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 7 - 2024
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Mai Thị Kim Thanh;
2. Ông Đặng Thái Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về ly hôn nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Trương Văn C**, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã Đ, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2024, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày:

Bà và ông Trương Văn C sống chung với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh năm 2012. Việc sống chung là tự nguyện, không ai ép buột. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc nhưng càng về sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn hạnh phúc nửa do ông C không chăm lo cho gia đình. Ông C thường xuyên uống rượu về gây gỗ, xô xác với bà. Nay, về hôn nhân bà yêu cầu được ly hôn với ông Trương Văn C. Về con chung bà và ông

Ccó 02 con chung tên Trương Thị Thu T, sinh năm 2004 và Trương Văn Đ, sinh ngày 23/6/2007. Trong quá trình yêu cầu giải quyết ly hôn thì cháu Đạt chết. Khi ly hôn, về con chung bà không yêu cầu giải quyết vì con chung Trương Thị Thu T đã trưởng thành. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Ông Trương Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị L.

Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Võ Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị L là nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông Trương Văn C là bị đơn vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị L và ông Trương Văn C.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ Thị L và ông Trương Văn C chung sống với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 27/3/2012, Giấy đăng ký kết hôn số 36, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa bà Võ Thị L và ông Trương Văn C phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống khác nhau, không có tiếng nói chung, bà L không còn tình cảm với ông C.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 20 tháng 3 năm 2024 (bút lục số 17) tại địa phương thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa bà L, ông C là do mâu thuẫn về tình cảm,

ông C thường xuyên uống rượu về gây gỗ, xúc phạm bà L. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông C là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà L được ly hôn với ông C.

[4] Về nuôi con chung: Bà L, ông C có 02 con chung tên Trương Thị Thu T, sinh năm 2004 và Trương Văn Đ, sinh ngày 23/6/2007. Con chung Trương Thị Thu T đã trưởng thành, bà L không yêu cầu giải quyết; con chung Trương Văn Đ đã chết, bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận

[6] Về án phí: Bà Võ Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Võ Thị L với ông Trương Văn C.

2. Về nuôi con chung: Con chung Trương Thị Thu T, sinh năm 2004 đã trưởng thành, ghi nhận bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Ghi nhận, bà Võ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà L đã nộp theo biên lai thu số 0005987 ngày 13/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận, bà L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị L, ông Trương Văn C có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã T, H.Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Lan